| **UBND HUYỆN CƯ JÚT****TRƯỜNG TH LÊ QUÝ ĐÔN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| --- | --- |
|  Số 03/ KH-NT:  | *Đắk Wil, ngày 11 tháng 10 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**NĂM HỌC 2024-2025**

1. **CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

Thực hiện Chỉ thị số16/CT-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 08 tháng 08 năm 2024 của UBND tỉnh Đăk Nông “Về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 -2025”.

Căn cứ văn bản số 1593/SGDĐT-GDTH ngày 20/08/2024 của Sở giáo dục Đào tạo“Về việc hương dẫn nhiệm vụ năm học 2023– 2024.

Căn cứ văn bản số 173/PGDĐT- ngày 09/09/2024 của phòng giáo dục Đào tạo“Về việc hương dẫn nhiệm vụ năm học 2024 – 2025.

Căn cứ kết quả hoạt động năm học 2023 - 2024 và tình hình thực tế, Trường Tiểu học Lê Quý Đôn hội nghị xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024– 2025 như sau:

**2. BỐI CẢNH GIÁO DỤC CỦA, ĐỊA PHƯƠNG VÀ NHÀ TRƯỜNG**

**2.1. Bối cảnh bên ngoài**

*2.1.1. Thời cơ*

Trường tiểu học Lê Quý Đôn đóng trên địa bàn thôn 06 xã Đăk Wil huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông. Địa điểm trường cách trung tâm xã 2km, quy mô trường không quá lớn với tổng diện tích 12.835 m2, có 02 điểm trường. Điểm chính đạt tại thôn 06, điểm lẽ thôn 5. Trường được thành lập từ năm 2004.Tình hình dân trí trên địa bàn chưa được đồng đều, nhưng nhà trường đã cố gắng phấn đấu hoàn thành PCGDTH đúng độ tuổi.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, có hiệu quả của lãnh đạo Phòng GD&ĐT và lãnh đạo địa phương.

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo hướng mở, chương trình các môn học được chủ động xây dựng phân phối chương trình, lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp.

Quy định dạy 2 buổi trên ngày ở tiểu học (định biên 1,5 giáo viên/lớp; mỗi lớp 1 phòng học, có đủ các phòng chức năng).

*2.1.2. Thách thức*

Điều kiện kinh tế và thu nhập của nhân dân địa phương còn thấp, người dân sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt chăn nuôi.

Một số cha mẹ học sinh chưa nhận thức đầy đủ về giáo dục nên thiếu sự quan tâm và trách nhiệm đến con cái, khó khăn trong việc huy động nguồn lực, mọi hoạt động của nhà trường phụ thuộc nhiều từ nguồn ngân sách.

Yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh ngày càng cao.

Sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động dạy học, giáo dục còn hạn chế.

**2.2. Bối cảnh bên trong**

*2.2.1. Điểm mạnh của nhà trường*

- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I lần thứ 2 năm 2023, kiểm định chất lượng cấp độ II được sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện giúp đỡ của các cấp đầu tư xây dựng CSVC

- Trình độ chuyên môn CĐ, ĐH của CB-GV-NV cao, tỷ lệ đảng viên nhiều nên đa số có nhận thức tốt, có năng lực chuyên môn khá phù hợp với từng công việc.

- Có tỷ lệ giáo viên giỏi cấp trường cao, có GV giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Hàng năm đều qua các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng thường xuyên. 100% GV đều được soạn giáo án trên máy tính, đa số CB-GV-CNV có và biết sử dụng máy tính và mạng Internet nên rất thuận lợi cho việc nắm bắt và chuyển tải thông tin trong mọi hoạt động của trường.

- Phòng học đủ 1 lớp/phòng, đảm bảo cho công tác dạy và học, có các phòng chức năng như : GD nghệ thuật, phòng ngoại ngữ. CSVC tương đối đầy đủ, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn cho HS, phục vụ cho hoạt động giáo dục của trường, có đủ phòng làm việc cho bộ phận hành chính.

- Ban đại diện hội CMHS của lớp của trường hoạt động tương đối hiệu quả. Đã có sự quan tâm đến công tác giáo dục của nhà trường, phối hợp, hỗ trợ khá tốt cho nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

*2.2.2. Điểm yếu*

  - Trường có 1 điểm lẻ cách điểm chính 4km và thiếu 1 nhân viên nên rất khó khăn cho việc bảo đảm ANTT, ATTS của nhà trường và cập nhật công văn đi, đến.

- Một số GV nhà xa, con nhỏ, chưa yên tâm công tác nên có phần ảnh hưởng đến việc phân công chuyên môn và thời gian đầu tư cho việc nghiên cứu trong giảng dạy.

- Phương tiện dạy học theo hướng hiện đại để đầu tư cho việc thực hiện phương pháp giáo dục mới, ứng dụng công nghệ thông tin còn thiếu thốn.

- Khả năng ứng dụng CNTT của 1 số GV, NV còn hạn chế ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả công việc.

- Trường có tỷ lệ HS DTTS khá đông (70,9%), mặt bằng trình độ dân trí và điều kiện kinh tế không đồng đều ảnh hưởng đến chất lượng đầu vào của HS lớp 1 cũng như chất lượng mọi hoạt động trong nhà trường.

- Địa bàn dân cư của trường, đa số dân làm nông nghiệp, một số phụ huynh điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, khả năng đóng góp hỗ trợ nhà trường làm công tác giáo dục còn hạn hẹp, không có điều kiện đầu tư cho con cái học hành nên các phong trào thi dua các cấp tổ chức bị hạn chế rất nhiều. Phụ huynh đi làm ăn xa, gửi con cho ông bà, không có điều kiện quan tâm đến việc học của con cái nên chất lượng giáo dục có phần bị ảnh hưởng.

1. **Đội ngũ CBGVNV:**
* Tổng số nhân sự trường có 32 CB - CNVC. Chia ra:

+ Cán bộ quản lý: 02 người.

+ GV TPT Đội: 01 người.

+ GV trực tiếp giảng dạy 27 người. (18 giáo viên VH, 6 giáo viên bộ môn, 4 giáo viên đi biệt phái, 1 giáo viên đi dạy liên trường, 2 gv nghỉ sinh);

+ Số nhân viên trường học: 02 người. (1 HĐ 68)

+ Tỷ lệ GV trên lớp 1,5 gv/lớp.

* Trình độ chuyên môn nghiệp vụ CB-CNVC: 94% đạt trình độ, ĐH.

+ Đảng viên: 19 đ/c chiếm tỷ lệ 63 %.

1. **Số lượng Học sinh :**

| Khối | Số lớp | Số HS | DT | NỮ | HS khuyết tật | Học 2b/ngày | Học Tiếng Anh theo CTPT2018 | Học Tiếng Anh  tăng cường | HọcTin học |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Một | 3 | 70 | 50 | 32 | 01 | 70 |  |  |  |
| Hai | 3 | 69 | 59 | 29 | 01 | 69 |  |  |  |
| Ba | 3 | 72 | 60 | 33 | 0 | 72 | 72 | 0 | 72 |
| Bốn | 2 | 64 | 52 | 30 | 0 | 64 | 64 | 0 | 64 |
| Năm | 2 | 69 | 51 | 33 | 0 | 69 | 69 | 0 | 69 |
| **Cộng** | 13 | 344 | 272 | 157 | 02 | 344 | 205 | 0 | 205 |

**3.Tình hình cơ sở vật chất:**

| Mục | Điểm chính | Điểm lẻ | Nhà vệ sinh | Cộng |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Diện tích đất (m2) | 12.835 m2 | 7.060 m2 |  | 19.895 m2 |
| Số phòng học | 17 | 06 |  |  |
| Số phòng TPTĐ | 01 | 0 |  | 100 m2 |
| Số phòng bảo vệ | 01 | 0 |  | 20 m2 |
| Số nhà vệ sinh | 01 | 01 | 01 | 80 m2 |
| Giếng khoan | 01 | 01 | 01 |  |
| Cổng hàng rào | Có | Có |  |  |
| Phòng hiệu bộ | 01 |  |  | 150 m2 |
| Phòng thư viện | 01 |  |  | 150 m2 |

Từ tình hình thực tế và những thuận lợi khó khăn nêu trên, nhà trường xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm học 2024-2025 như sau:

**2.3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường**

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018: dạy học 2 buổi trên ngày 100%.

Vận dụng phù hợp các hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục mới nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục. Phát triển các hoạt động dạy học trải nghiệm, dạy học theo chủ đề, giáo dục STEM… Chú trọng tích hợp nội dung giáo dục địa phương khi xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục của nhà trường.

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học môn học và giáo dục theo hướng phân hóa, đáp ứng đa dạng nhu cầu học tập của học sinh (chú trọng các môn học Tiếng Việt, Ngoại ngữ để đảm bảo phát triển toàn diện của người học). Đổi mới mạnh mẽ các hoạt động dạy học và tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao chất lượng và uy tín nhà trường để thu hút học sinh học đúng tuyến.

**3. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG**

**3.1. Mục tiêu chung**

 Kế hoạch giáo dục nhà trường của trường tiểu học Lê Quý duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ 1 có chất lượng giáo dục cao của địa phương, thực hiện tốt sứ mệnh chuẩn bị cho học sinh có đầy đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất để sống thành công, hạnh phúc, đóng góp cho xã hội. Kế hoạch giáo dục nhà trường được xây dựng đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển về phẩm chất và năng lực của học sinh để mỗi học sinh được học tập theo chương trình giáo dục phù hợp nhất với năng lực, nhu cầu, hứng thú và sở thích của bản thân.

**3.2. Mục tiêu cụ thể**

 Phấn đấu năm học 2024-2025, trường Tiểu học Lê Quý Đôn đạt các mục tiêu sau:

**\* Đối với HS:**

-100% học sinh lớp 1,2,3,4.5 được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

-100% học sinh biết yêu thương đoàn kết, biết giúp đỡ bạn bè, biết chăm sóc môi trường xanh, sạch đẹp và có các kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt .

-100% thực hiện tốt nhiệm vụ của người Đội viên.

-Tổ chức phong trào “Vở sạch chữ đẹp” cấp trường, tham gia thi các cấp.

-Tham gia phong trào thi giải toán trên mạng. Tiếng Anh trên mạng, giao lưu tiếng Việt của chúng em….

-Cuối năm có từ 95% học sinh lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học;

-100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học.

-100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống.

-Phấn đấu trên 50% học sinh được khen thưởng cấp trường.

- Phấn đấu có học sinh tham gia các cuộc thi do cấp trên tổ chức.

-Đảm bảo thực hiện giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật của trường, những học sinh còn gặp khó khăn trong học tập được hỗ trợ để hoàn thành mục tiêu học tập.

-Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, huy động 100% học sinh tham gia với kết quả tốt.

-Huy động trẻ 6 tuổi (sinh năm 2018) vào lớp 1 là 62/62 đạt 100%.

-Tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với thực tế, huy động 100% học sinh tham gia với kết quả tốt.

- Học sinh tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

**b.Đối với CB, GV, NV:**

- 100 % CB, GV, NV xếp loại tốt về phẩm chất đạo đức, lối sống.

- 100% CB, GV, NV tham gia phong trào do cấp trên đề ra.

- Phấn đấu 100% giáo viên có năng lực chuyên môn từ khá trở lên

-Thực hiện nghiêm túc nội quy,quy chế của trường: 100 %

-Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn: 100%

- Xây dựng kế hoạch và tự học BDTX: 100%

- Hồ sơ tốt: 95%.

- Thao giảng 2 tiết /1 GV/ 1 năm.

- Dự giờ 13-15 tiết trở lên /1 GV/1 năm.

- 100% tham gia thi GV dạy gỏi cấp trường.

- Tham gia thi GV dạy gỏi cấp huyện: 3 - 5 GV. (Nếu huyện tổ chức)

- Tham gia thi GVCN giỏi cấp tỉnh: 1- 2 GV.

- Tham gia viết sáng kiến và đạt cấp trường : 4 - 6 SK.

- Lao động tiên tiến: 60% CB, GV, NV.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 100% CB, GV, NV.

- Tổ Lao động tiên tiến xuất sắc 3/6.

- Thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học.

- Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng 13 sản phẩm

- Giáo viên lên lớp thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy:

- Tham gia hiến máu đạt và vượt chỉ tiêu.

**4. NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**

- Xây dựng các phương án, kịch bản tổ chức dạy học cụ thể với hình thức tổ chức dạy học linh hoạt, phù hợp với khả năng đáp ứng của cơ sở giáo dục và điều kiện thực tế của nhà trường đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch theo các nội dung cụ thể như sau:

**1.2. Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế**

a) Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1 và lớp 2,3,4,5

-Đảm bảo tỷ lệ 01phòng học/lớp (HS học 2 buổi / ngày, 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần) đảm bảo tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

-Thời khóa biểu sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học.

-Thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh các vùng miền, địa phương, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh; không cắt xén cơ học mà tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

**1.3. Nâng cao chất lượng dạy học Ngoại ngữ.**

-Triển khai Chương trình môn Tiếng Anh lớp 3,4,5 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

**4.1. Chương trình chính khóa**

| **TT** | **Môn học** | **Số tiết học của từng môn Lớp 1** | **Số tiết học của từng môn Lớp 2** | **Số tiết học của từng môn Lớp 3** | **Số tiết học của từng môn Lớp 4** | **Số tiết học của từng môn Lớp 5** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HK1** | **HK2** | **CN** | **HK1** | **HK2** | **CN** | **HK1** | **HK2** | **CN** | **HK1** | **HK2** | **CN** | **HK1** | **HK2** | **CN** |
| **I/.** | **Môn học bắt buộc** |
| 1 | TV | 216 | 204 | 420 | 180 | 170 | 350 | 126 | 119 | 245 | 126 | 119 | 245 | 126 | 119 | 245 |
| 2 | TOÁN | 54 | 51 | 105 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 |
| 3 | TN-XH | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |   |   |   |   |   |   |
| 4 | KH |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 5 | LS & ĐL |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 6 | T.Anh |   |   |   |  |  |  | 72 | 68 | 140 | 72 | 68 | 140 | 72 | 68 | 140 |
| 7 | ĐĐ | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 8 | ÂN | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 9 | MT | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 10 | TC |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | KT |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  | 18 | 17 | 35 |
| 12 | TiH /THCN | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 18 | 17 | 35 |
| 13 | TD (TC) | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| **II/.** | **Hoạt động giáo dục bắt buộc** |
| 14 | HĐTNgGDTT | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 |
| **III/.** | **Môn học tự chọn/tăng cường.** |
| 15 | TC Tiếng Việt | 36 | 34 | 70 |  36 |  34 |  70 |  18 |  17 |  35 |   |   |   |   |   |   |
| 16 | TC Toán | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 18 | 17 | 35 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 17 | Đọc TV | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| **Tổng số tiết** | 576 | 544 | 1120 | 576 | 544 | 1120 | 576 | 544 | 1120 | 576 | 544 | 1120 | 540 | 510 | 1120 |
| **Số tiết/ tuần Cả năm học** | **1120 tiết/ 35 tuần****=32 tiết/ tuần** | **1120 tiết/ 35 tuần  =32 tiết/ tuần** | **1120 tiết/ 35 tuần = 32 tiết/ tuần** | **1120 tiết/ 35 tuần****=32 tiết/ tuần** | **1120 tiết/ 35 tuần****= 32 tiết/ tuần** |
| **Số buổi dạy/ ngày** | **2 buổi/ ngày** | **2 buổi/ ngày** | **2 buổi/ ngày** | **2 buổi/ ngày** | **2 buổi/ ngày** |

**2.Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày:**

-Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho học sinh khối lớp1 đén lớp 5 đảm bảo mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết học 35 phút, 9 buổi với 32 tiết /tuần.

-Đảm bảo thực hiện đúng chương trình giáo dục tiểu học. Bố trí thời gian học tập trên lớp, ở nhà; thời gian vui chơi và tham gia các hoạt động xã hội hợp lý, không gây quá tải cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

-Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong các giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cáchvà trách nhiệm công dân,chuẩn bị cho học sinh tiếptục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động.

-Các hoạt động giáo dục trong các giờ chính khóa được tiến hành thông qua dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục do bộ ban hành.

Các hoạt động giáo dục ngoài chính khóa bao gồm các hoạt động về khoa học, văn học, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng tránh các tai nạn thương tích, các tệ nạn xã hội, giáo dục kĩ năng sống...

- Đảm bảo các điều kiện về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất trang thiết bị, môi trường học tập, sinh hoạt để tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục nhằm phấn đấu nâng cao chất lượng giáodục.

**3.Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá**

**\* *Đổi mới phương pháp dạy học***

- Thực hiện nội dung dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông mới; đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và nâng cao chất lượng đánh giá học sinh tiểu học. Cụ thể:

+ Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập, từ đó giúp học sinh tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được sắp đặt sẵn.

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh.

+ Sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đốitượng trong tiến trình dạy học; chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc sách giáo khoa, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết tình huống; chú ý giúp học sinh đảm bảo kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu học tập.

+ Thông qua sinh hoạt chuyên môn ở tổ, giáo viên đăng ký tiết dạy, nội dung dạy học theo hướng đổi mới, thể hiện cụ thể trên bài soạn. Chuyên môn nhà trường, tổ chuyên môn dự giờ góp ý đồng thời chọn những tiết dạy thể nghiệm để thảo luận, xây dựng rút kinh nghiệm ở tổ.

- Phụ trách chuyên môn nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chuyên môn thảo luận để mỗi giáo viên dạy các môn TNXH lớp 1,2,3 và Khoa học lớp 4,5 thiết kế các tiết dạy, bài dạy, chủ đề áp dụng PP BTNB; tổ chức các giờ học cho học sinh thực hành các thí nghiệm với các vật liệu đơn giản, dễ thực hiện. Giáo viên đăng ký các tiết dạy cụ thể và thể hiện trong bài soạn.

- Phụ trách chuyên môn hướng dẫn cho giáo viên Mĩ thuật chủ động sắp xếp bài dạy theo hướng nhóm các nội dung bài học thành các chủ đề theo hướng dẫn tại “Tài liệu dạy học Mĩ thuật dành cho giáo viên tiểu học” từ lớp 1 đến lớp 5, đảm bảo yêu cầu đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao nhất, góp phần tích cực phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Tham gia tích cực vào hội thảo chuyên môn cụm trường.

**- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống**

- Thực hiện dạy học gắn lí thuyết với thực hành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trong các môn học/hoạt động giáo dục với giáo dục đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống HIV/AIDS.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và y tế trường học.

### - Phát triển văn hóa đọc bằng cách khai thác sử dụng thư viện

### - phòng đọc của trường, thư viện ngoài trời, tổ chức các câu lạc bộ khoa học....

### Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá họcsinh:

Đối với học sinh.Thực hiện đánh giá học sinh theoThông tư 27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 09 năm 2020 của BGD&ĐT.

- Cần chú ý đến việc đánh giá 5 phẩm chất – các năng lực cốt lõi (3 năng lục chung và 7 năng lực đặc thù). Chú ý đến đánh giá mức độ hoàn thành bài học, môn học. Đảm bảo việc đánh giá thường xuyên với việc đánh giá định kỳ.Trong kiểm tra đánh giá chú ý đến mức độ hoàn thành bài học đối với tất cả học sinh.Đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc quan sát, hỏi đáp và viết.

- Phó hiệu trưởng,Tổ trưởng chuyên môn tiếp tục tập huấn nâng cao năng lực đánh giá thường xuyên, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ cho giáo viên.

- Phụ trách chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng ma trận, giáo viên ra đề theo ma trận đã được xây dựng. Đề kiểm tra đảm báo yêu cầu theo 4 mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng sáng tạo; Kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm khách quan, đảm bảo sự phù hợp đối tượng học sinh theo thừng khối lớp.

- Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn thông qua dự giờ thăm lớp kiểm tra việc đánh giá học sinh của mỗi giáo viên để hỗ trợ, tư vấn nâng cao năng lực cho giáo viên về kỹ thuật đánh giá thường xuyên.Việc kiểm tra, đánh giá nhằm mục đích biết học sinh học như thế nào, có biết vận dụng không để giáo viên chủ động điều chỉnh phương pháp dạy học linh hoạt, hiệu quả hơn, thúc đẩy sự tiến bộ về năng lực và phẩm chất của học sinh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc,không khen tràn lan gây mất lòng tin và gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội

**4.Tổ chức các hoạt động trải nghiệm:**

-Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm của từng tháng (tích hợp và cô đọng các chủ đề cho phù hợp với diễn biến tình hình giảng dạy trực tiếp trong nhà trường):

| **Thời gian** | **Chủ điểm** | **Nội dung hoạt động** | **Người phụ****trách** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tháng 10 | Em yêu mái trường | Xây dựng đội ngũ và tuyên truyền măng non | PHT,TPT,GV |
| Tháng 11 | Biết ơn thầy cô giáo | Đồng diễn bài múa TT sân trường và văn nghệ | PHT,TPT,GV |
| Tháng 12 | Uống nước nhớ nguồn | Tìm hiểu về truyền thống Bộ đội Cụ Hồ | PHT,TPT,GV |
| Tháng 1,2 | Mừng Đảng mừng xuân | Trang trí (Tết sum vầy) | PHT,TPT,GV |
| Tháng 3 | Mẹ và cô giáo | Kể chuyện, đọc thơ về mẹ và cô | PHT,TPT,GV |
| Tháng 4,5 | Bác Hồ kính yêu | Thi kể chuyện về Bác Hồ. | PHT,TPT,GV |

**V. KẾ HOẠCH TỔNG THỂ NĂM HỌC**

5.1**. Quy định thời gian học:**

Thực hiện theo Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 08 tháng 08 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Tổng thời gian thực học là 35 tuần (học kỳ I: có 18 tuần thực học, học kỳ II: có 17 tuần thực học).

Trong quá trình thực hiện kế hoạch thời gian năm học, nhà trường sẽ bố trí lịch dạy học và các hoạt động giáo dục hợp lý; bố trí dạy bù những ngày nghỉ học đảm bảo tính khoa học.

***5.2 Thời gian biểu hàng ngày.***

| ***sáng*** | ***Chiều*** |
| --- | --- |
| Vào học | 7 giờ 10 phút | Vào học | 2 giờ 0 phút |
| Sinh hoạt đầu giờ | 7 giờ 10 phút - 7 giờ 20 phút | SH | 0 |
| Học tiết 1 | 7 giờ 20 phút - 7 giờ 55 phút | Học tiết 1 |  2giờ 0 phút - 2 giờ 35 phút |
| Học tiết 2 | 8 giờ 0phút - 8 giờ 35 phút | Học tiết 2 |  2 giờ 40 phút - 3 giờ 15phút |
| Học tiết 3 | 8 giờ 40 phút - 9 giờ 15 phút | Ra chơi  |  20 phút |
| Ra chơi  |  20 phút  | Học tiết 3  | 3 giờ - 35phút - 4 giờ 10 phút |
| Học tiết 4 | 9 giờ 35 phút - 10 giờ 10 phút |  |  |

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

* 1. **Phân công nhiệmvụ**

***\*Đối với Hiệu trưởng***

- Xây dựng kế hoạch động giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018, làm tốt công tác tham mưu về xây dựng CSVC, bổ sung rang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;

- Ra các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo trực tiếp các khối thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, kiểm tra đánh giá. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

* + 1. ***Đối với Phó Hiệu trưởng***
* Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 9 buổi/ tuần (đối với học sinh khối 1 đến khối 5 chín buổi/tuần.
* Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.
* Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể.
* Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Dự thảo Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học lớp học đổi mới phương pháp dạy học.
* Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.
* **1.3. Đối với tổ trưởng tổ chuyên môn:**
* Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn.
* Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình.
* Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.
* Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công.
* Tổng hợp báo các chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.
* Tổ chức các hoạt động GDNGLL, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.
* **1.4. Đối với giáo viên:**
* Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
* Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn.
* Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
* Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
* Tích cực tự trau rồi chuyên môn, nghiệp vụ.
* Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.
* Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tố chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.
* Tổ chức cho học sinh lao động theo kế hoạch của đội.
* **1.5. Đối với Tổng phụ trách Đội:**
* Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan để chủ động xây dựng kế hoạch về các buổi trải nghiệm thực tế cho học sinh để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả. Kế hoạch phải đảm bảo rõ ràng về mục đích ý nghĩa, địa chỉ cụ thể các điểm đến; dự kiến kinh phí thực hiện và thành phần tham gia cùng học sinh; lộ trình và thời gian (bắt đầu - kết thúc).
* Thành lập các ban của liên đội để thức đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
* Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.
* **1.6. Đối với nhân viên Thư viện, Thiết bị:**
* Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.
* Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.
* Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.
* Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch Tổ chức Ngày hội đọc sách.(về thời điểm? Về cách tổ chức? Thành phần cần phối hợp để tổ chức?...) để đảm hiệu quả hoạt động.
* **2. Công tác kiểm tra, giám sát:**
* Kiểm tra chuyên môn: Theo kế hoạch tháng.
* Kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo kết hợp với đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.
* Thực hiện xuyên suốt trong cả năm học; đánh giá xếp loại vào cuối tháng 4 năm 2025.
* Kiểm tra chuyên đề: Theo kế hoạch tháng
* Kiểm tra các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: Theo kế hoạch tháng.
* **3. Chế độ báo cáo**
* Hàng tháng, bộ phận chuyên môn tổng kết công tác tháng và lập kế hoạch cho tháng tới;
* Sơ kết cuối kì I;
* Tổng kết chuyên môn;
* Báo các theo yêu cầu của ngành.
* Trên đây là Kế hoạch giáo dục của Trường Tiểu học Lê Quý Đôn năm học 2024 - 2025. Kế hoạch được thông qua tại Hội nghị CC,VC và NLĐ đầu năm học. Yêu cầu tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện.

| Nơi nhận:- Phòng GD&ĐT Cư Jút (để b/c);- UBND xã Đắk Wil (để b/c);- Hiệu trưởng, PHT (để chỉ đạo);- Các tổ chuyên môn (để th/h);- Lưu: VT. |  **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Phú** |
| --- | --- |

* + 1. **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÊ DUYỆT** ....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................